

SỐ 1561

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THẬT NGHĨA SỐ

*Tác giả: Tôn giả Tất-địa-la-mạt-đề (An Huệ)*

## QUYỂN 1

*Kính lạy Thế Tôn - núi đức cao  
Kính lạy Chánh pháp bể trí sâu  
Kính lạy Tăng già - chúng hòa hợp  
Kính lạy Luận chủ cùng Thầy con  
Con đem đóm đóm giúp ánh dương  
Tùy sức rộng bày tạng Đối pháp  
Để pháp trụ lâu lợi quần sinh  
Nguyện đem uy thần, hiện hộ trì.*

### **Phẩm 1: PHÂN BIỆT GIỚI**

Phần thứ nhất Phân biệt giới có bảy nghĩa:

1. Trí viên mãn.
2. Đoạn viên mãn.
3. Lợi tha viên mãn.
4. Phương tiện viên mãn.
5. Ứng cúng viên mãn.
6. Tâm kỳ vọng viên mãn.
7. Phương tiện viên mãn.

Vì tôn kính pháp nên thường ưa thích nghe, do đó phát sinh văn

tuệ, từ đây sinh tư tuệ, phát khởi tu tuệ sinh tuệ vô lậu. Do tuệ vô lậu có thể đoạn các hoặc, vì đoạn các hoặc nên liền chứng đắc. Vì thế gọi là lợi ích của hành vi.

Bảy nghĩa căn cứ trong bài tụng. Tụng nói: “Tất cả các thứ tối tăm diệt” là nghĩa Trí viên mãn. “Các diệt” là nghĩa Đoạn viên mãn. “Cứu chúng sinh ra vũng bùn sinh tử” là nghĩa Lợi tha viên mãn. “Kính lễ Như thị” là nghĩa Ứng cúng viên mãn. “Như lý sư” là nghĩa Phương tiện viên mãn. Vì Đức Thế Tôn có phương tiện thù thắng thuyết giáo như lý lợi lạc hữu tình. “Luận như thế tôi sẽ nói” là nghĩa Tâm kỳ vọng viên mãn, muốn tạo luận. “Đối pháp tạng” là nghĩa Lập danh viên mãn. Để thấu tóm bảy nghĩa này tụng nói:

*Trí đoạn và lợi tha  
Phương tiện, mong tạo luận  
Lập danh tạng Đối pháp  
Thâu bảy nghĩa nên biết.*

Sắc pháp, tâm pháp, tâm sở hữu pháp, bất tương ưng pháp và vô vi pháp, trong cảnh nơi đối tượng nhận biết của năm pháp này, thế gian không thể hiểu rõ, chỉ riêng Phật tỏ ngộ vì vĩnh viễn đoạn các hoặc, nên đối với thời gian rất xa như ngoài ba a-tăng-kỳ kiếp quá khứ, vị lai, thì các Thanh văn, Độc giác không thể biết. Làm sao biết được? Như xưa có một người đến chỗ Tôn giả Xá lợi tử cầu xin xuất gia. Tôn giả quán thấy người này trong hai a-tăng-kỳ kiếp không có thiện căn xuất gia bèn không chấp nhận. Người này bèn đến Phật cầu xuất gia, Phật quán thấy ngoài hai a-tăng-kỳ kiếp ra, người này còn chút thiện căn, nên chấp thuận cho và nói kệ:

*Hạt giống giải thoát kia  
Ta xem thấy rất nhỏ  
Như vàng thật trong quặng  
Ẩn giấu nơi đất này.*

Đức Mục-liên quán sát mẹ mình ở đâu, sinh loài nào? Không biết, đến hỏi Phật, Phật bảo: “Mẹ ông ở thế giới Ma-lợi-chi, cách đây ba ngàn thế giới”.

Như thế, rất nhiều loại để phân biệt mà với trí của hàng Thanh văn đều không thể thấu đạt.

Tất cả quả đạt được do tu phước và trí đều vì lợi tha không phải tự lợi, như ánh trăng trong sáng soi tỏ mười phương, bi nguyện của Thế Tôn cũng như thế. Lại có tụng nói:

*Phước hồi hướng thí và lợi mình*

*Hai phước đức tự tu, hồi thí  
Lại nhận lợi lạc các hữu tình  
Các loại phước trí như ở trên  
Quả mình chứng đắc chẳng phải ai  
Phước hạnh nguyện và hồi hướng thí  
Mình, người đều lợi chẳng uổng công.*

Như thế dù nói tự lợi theo nhân và quả, cũng có thể tạo lợi ích cho người khác. Có tụng nói:

*Sữa mẹ ngọt ngon dùng nuôi thân  
Vì con được yên chẳng vì mình  
Phật tu phước, trí hướng Bồ-đề  
Chính vì lợi sinh chẳng vì mình.*

Tụng nói:

*Lúc mưa dẫu đều khắp  
Không giống, mầm chẳng sinh  
Phật dù hóa thế gian  
Mà thiếu duyên, không quả.*

Tụng nói:

*Thiện tri thức là ai?  
Là Phật khiến trí sinh  
Lìa buông lung, hạnh ác  
Trái đây tức bỏ lìa.*

Đối pháp đúng như sự hiện hữu của nó thì đạt được tuệ, làm nhân cho văn tuệ, văn tuệ làm nhân cho tư tuệ, tư tuệ làm nhân cho tu tuệ, tu tuệ làm nhân cho tuệ vô lậu, tuệ vô lậu làm nhân cho Niết-bàn. Vì nghĩa này nên được gọi Đối pháp. Vì có công năng làm tăng trưởng các tuệ như văn tuệ v.v... hoặc xả bỏ các thứ hữu vi, chỉ vui Niết-bàn nên gọi là thù thắng. Khổ, Tập, Đạo để làm tuệ của Niết-bàn. Phật dạy: “Dựa vào pháp, không dựa vào người”. Tụng nói:

*Nếu lìa trạch pháp, không gì khác  
Phương tiện thù thắng diệt các Hoặc  
Do Hoặc, thế gian trôi biển Hữu  
Nhân đức này, Phật nói Đối pháp.*

**Luận nói:** “Nếu lìa trạch pháp, không có phương tiện nào thù thắng hơn có thể diệt các Hoặc”. Phật bảo A-nan: “Ta còn tại thế, nương tựa theo ta, ta diệt độ không còn chỗ nào nương tựa, nên nương theo kinh chớ để quên mất”.

Phật nói: “Già nua xuất gia, trì tam tạng của ta thật khó được”.

Tam tạng là Kinh, Luật và Tạng pháp (Luận).

Xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp có một vị Tỳ-kheo thông minh, học rộng, tinh thông đủ Tam tạng, thường dùng nghề chèo bai mắng nhiếc người xuất gia, tại gia, như nói là các loài cầm thú, chó, cá, chim cú v.v... Sau khi mạng chung, nhân theo nghiệp trước, Tỳ-kheo này đọa làm thân một con cá lớn ở biển, hình thù cực lớn có mười tám đầu, chịu đủ mọi khổ, đến khi Đức Thế Tôn xuất thế cũng chưa hết khổ.

Sau, có những người đánh cá, số đến một ngàn, vây bủa lưới bắt cá này. Cá mắc lưới kéo mãi không lên, rồi đến cả ngàn người cùng kéo mới lên bờ, và nhìn thấy hình dạng nhiều đầu quái lạ đáng sợ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn quán thấy biết quả báo cuối cùng của cá kia, bèn dẫn đại chúng đến bờ biển, trải tòa ngồi, rồi bảo con cá: “Này Tam tạng! Ông lẽ nào chẳng phải là Tỳ-kheo Tam Tạng ở thời Phật quá khứ chẳng?”. Cá nghe rồi lệ rơi đầy mắt. Lúc ấy, Phật vì cá giảng nói nhân duyên đời trước. Cá nghe xong ăn năn sám hối, nguyện không ăn uống mà chết, nhân đấy sinh lên cõi trời. Bấy giờ, trong chúng hội nghe Phật giảng nói, đều tự chính mình thu hoạch lợi ích lớn.

Năm uẩn không thể thấu tất cả pháp, thế nên không nương tựa năm uẩn mà nói trước có nhiễm, sau phải có tịnh, vì làm thanh tịnh nhiễm kia nên trước nói pháp hữu lậu, sau nói pháp vô lậu, vô vi.

Tụng nói:

*Tỳ-kheo ý tịch tĩnh  
Đoạn vĩnh viễn các sự  
Tận trừ hết sinh tử  
Nên không thọ hữu sau.*



## LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THỰC NGHĨA SỞ

### QUYỂN 2

Như có tụng nói:

*Vui thay! Phật ra đời  
Vui thay! Diễn chánh pháp  
Vui thay! Tăng hòa hợp  
Vui thay! Cùng tiến tu.*

**Luận:** Áo mặc ở xứ Bắc Câu-lô nặng một lượng, ở các trời Tứ Thiên vương nặng nửa lượng, ở cõi Tam thập tam thiên nặng một thù, ở trời Dạ-ma nặng nửa thù, trời Đâu-suất nặng bằng một phần tư thù, ở trời Hóa Lạc nặng một phần tám thù, ở trời Tha Hóa Tự Tại nặng bằng một phần mười sáu thù. Trở lên cõi Sắc, không thể đo lường. Cõi này nếu có trọng lượng sao nói không thể đo? Vì tùy thân lượng mà các y phục được mặc ở cõi Sắc, như ánh sáng rực rỡ, trong sạch nên không thể đo lường. Để biểu thị tướng sắc, nay tiếp theo sẽ nói. Như tụng nói:

*Loạn tâm và vô tâm  
Theo dòng tịnh, bất tịnh  
Tánh đại chủng tạo ra  
Do đấy nói vô biểu.*

Tổng nói sáu lỗi, tụng nói:

*Trước thiếu tương tục và giả tạm  
Vô tâm theo dòng hiện tượng tạp  
Nói thiên một phía, không giản biệt  
Nên nói trong đây có sáu lỗi. (Nhãn, nhĩ... ý)*

Vì có ý khác trong sáu lỗi nên tụng lại nói:

*Tạo tác cùng tâm khác v.v...  
Và vô tâm hữu ký  
Tánh không đối tạo nên  
Ấy là vô biểu sắc.*

Nói địa và địa giới có gì khác biệt? Tụng nói:

*Địa là hiển, hình sắc  
Tùy đời mà lập, danh  
Nước, lửa cũng như vậy  
Gió tức giới cũng vậy.*

Do luận, nên phẩm Nghĩa có thuyết như sau:

*Người hướng cầu các dục  
Thường khởi lên hy vọng  
Các dục nếu không thỏa  
Nã, hoại như trúng tên.*

Sẽ thuyết về luận, tụng nói:

*Thọ lãnh nạp theo xúc  
Tưởng lấy bóng làm thể  
Ngoài bốn là hành uẩn  
Thọ, tưởng, hành như thế  
Và vô biểu vô vi  
Là pháp xứ, pháp giới.*

Bảy sự của ba uẩn này, như có tụng nói:

*Ba uẩn và vô biểu  
Với ba loại vô vi  
Thuộc vào pháp xứ này  
Pháp giới cũng như thế.*

Lại tụng nói:

*Thức vì liễu biệt riêng  
Đây tức gọi ý xứ  
Bảy tâm giới nên biết  
Ý do sáu thức chuyển.*

Lại tụng nói:

*Tổng thấu tất cả pháp  
Do một uẩn, xứ, giới  
Gồm trọn vẹn tự tánh  
Do lia các tánh khác.*



## LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THỰC NGHĨA SỞ

### QUYỂN 3

Ba khoa, một tụ, hai sinh môn, ba chủng tộc:

Tụ là nghĩa uẩn (tích tụ). Nghĩa sinh môn là nghĩa của cánh cửa để tâm, tâm sở pháp sinh trưởng. Như phát sinh Nhãn thức lấy căn mắt làm cửa vào. Ở đây, Kinh chứng minh nghĩa của môn có sáu, nhưng tâm sở pháp có mười hai, nên Khế kinh nói: “Mắt, sắc làm duyên sinh nhãn thức, cả ba hòa hợp. Xúc khởi cùng với thọ, tưởng, tư cũng như thế, cho đến ý pháp làm duyên sinh ý thức cả ba hòa hợp. Chủng tộc là nghĩa của giới. Như trong một ngọn núi có nhiều chủng loại (giới) như vàng, bạc, đồng, thiếc v.v... Tộc nghĩa là nói rất nhiều giới. Như thế một thân người, hoặc một sự sống tương tục có mười tám loại. Loại tộc của các pháp gọi mười tám giới là nhãn căn... hiện tại, quá khứ, vị lai. Về vô minh điên đảo, tụng có nói:

*Như cá ở trong bùn  
Vẫy vùng khiến nước nhơ  
Tưởng điên đảo vô minh  
Nhiễm ô cũng như thế.*

Về danh tướng uẩn, tụng nói:

*Mâu-ni nói pháp uẩn  
Số có tám mươi ngàn  
Thế uẩn ngữ hoặc danh  
Đây thuộc về hành uẩn.*

Tụng luận nói:

*Không giới là lỗ thông  
Truyền thuyết là sáng tối  
Thức giới: Thức hữu lậu  
Chỗ dựa sinh hữu tình.*

Luận quyển thứ hai nói: Trong mười tám giới có bao nhiêu thấy,

bao nhiêu không thấy, bao nhiêu đối, bao nhiêu không đối, bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện và bao nhiêu vô ký?

**Tụng nói:**

*Một có thấy là sắc  
Mười có sắc là đối  
Đây tám trừ sắc, thanh  
Vô ký được ba loại  
Nói năm không phân biệt  
Do kế đạo tùy niệm  
Vì ý đạ, tán tuệ  
Các niệm làm thể ý.*

**Luận thuyết:** Nói phân biệt lược có ba loại:

1. Phân biệt tự tánh.
2. Phân biệt kế đạc.
3. Phân biệt tùy niệm.

Do thân năm thức chỉ có tự tánh phân biệt mà không có hai loại kia, nên nói có tám loại phân biệt là không đúng. Chỉ có phân biệt tự tánh mà không có phân biệt kế đạc và tùy niệm. Chỉ có một loại phân biệt gọi là vô phân biệt.





## LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THỰC NGHĨA SỞ

### QUYỂN 4

Một sát na: Tụng nói:

*Năm căn có thực, dưỡng  
Thanh không dị thực sinh  
Tám đẳng lưu không ngại  
Cũng tánh dị thực sinh  
Còn ba thực chỉ pháp  
Sát-na chỉ ba sau.*

Năm giới nội là năm giới của nhãn v.v... Trong mười tám giới có bao nhiêu thấy được? Bao nhiêu không thấy? Tụng nói:

*Nhãn, một phần pháp giới  
Tám loại gọi là thấy  
Năm thức, tuệ câu sinh  
Không thấy, không đo lường.  
Mắt thấy, phân đồng sắc  
Không phải mắt dựa thức  
Truyền thuyết: không thể quán  
Bị các sắc che lấp.*

**Luận nói:** “Mắt hoàn toàn là thấy, tám loại của một phần pháp giới gọi là kiến, thứ khác đều không phải kiến”. Luận nay lược nói về tướng quyết định này, tụng nói:

*Mắt không ở dưới thân  
Sắc thức không mắt trên  
Sắc đối tất cả thức  
Hai đối thân cũng thế.  
Như mắt, tai cũng vậy  
Ba tiếp đều địa mình  
Thân thức mình, địa dưới*

*Ý bất định nên biết.*

Lại trong Kinh, Luận nói hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nữ căn, nam căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, tín căn, cần căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vi tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

**Giải thích:** Đây là xuất xứ từ kinh nào? Có Phạm chí tên là Sinh Trắc, đến chỗ Phật vui mừng chào hỏi, rồi ngồi một bên mà hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu căn thô tóm hết các căn?”. Phật đáp: “Ta nói có hai mươi hai căn thô tóm hết các căn”. Nếu có ai phủ nhận điều này mà nói có căn khác, nên biết đó chỉ là lời nói vô nghĩa.



# LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THỰC NGHĨA SỞ

## QUYỂN 5

### Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN

Tụng nói:

*Truyền thuyết năm đối bốn  
Bốn căn đối hai thứ  
Năm, tám trong nhiễm, tịnh  
Đều riêng làm tăng thượng.*

**Luận nói:** Vì năm căn như Nhãn v.v.... đến tiếng đều nghe riêng biệt. Tụng nói:

*Ví như người mắt sáng  
Tránh được nạn trước mắt  
Đời có kẻ thông minh  
Có thể lìa khổ huệ  
Đa văn biết được pháp  
Đa văn lìa được tội  
Đa văn lìa vô nghĩa  
Đa văn đắc Niết-bàn.*

Lại tụng nói:

*Thân do ăn sống  
Mạng nhờ ăn còn  
Ăn rồi khiến tâm  
Yên vui, thư thái.*

Nếu là con trai khi nhập thai sinh tâm ái với mẹ, giận với cha, là con gái khi nhập thai sinh tâm ái với cha, giận với mẹ. Do thế nên biết năng lực dẫn đến đời sau đều là tâm nhiễm, là do ý căn mà nối tiếp đến đời sau.

Kinh thuyết: “Nhập thai cùng với tinh huyết cha mẹ, có thức gìn

giữ mới thành tựu yết-thích-lam”.

**Giải thích:** Đây nêu rõ ý nghĩa thân, ngữ theo tâm chuyển. Như Khế kinh nói: “Tâm dẫn dắt thế gian, tâm thấu nhận khắp, như thế một pháp tâm tự tại đều tùy hành”.

Tụng nói:

*Rõ cảnh mình tăng thượng  
Lập chung ở sáu căn  
Từ thân lập hai căn  
Nữ, nam tình tăng thượng  
Đồng trụ nơi tạp nhiễm  
Vì tăng thượng thanh tịnh  
Nên biết mạng, năm thọ...  
Cùng tín... lập làm căn  
Vị đương tri, dĩ tri  
Cụ tri căn cũng vậy  
Sau khi đã đắc đạo  
Niết-bàn cùng tăng thượng.*

Tụng Luận lại nói:

*Thân không an là khổ  
Vừa ý, ấy là vui  
Ba định, tâm an vui  
Nơi khác gọi là hỷ  
Tâm chẳng vui là ưu  
Trung đạo bỏ cả hai  
Kiến, tu, đạo vô học  
Đưa chín lập ba căn.*

Tụng nói:

*Ba căn sau vô lậu  
Có sắc, mạng sáu khổ  
Thường biết chỉ hữu lậu  
Chín căn khác chung hai.*

Nói ba căn sau cùng, nhất định là vô lậu, ngoài ra, không căn nào chung làm vô lậu. Khế kinh nói: Khi Đức Thế Tôn thành Chánh giác có suy nghĩ thế này: “Pháp của ta chứng đắc rất sâu xa mầu nhiệm, khó biết, khó hiểu, không thể tư duy, bàn luận, suy xét, tìm tòi. Người trí có thể biết, phàm phu không thể lãnh hội. Các chúng sinh này từ lâu quen giáo lý tà, tham đắm các hữu, các kiến giải mê hoặc, nhiễu loạn, không thể hiểu thấu giáo lý này. Do không hiểu rõ nên không tin, nhận, sinh

ra kiêu mạn, nã loạn, những lời ta nói trở thành vô ích, uổng phí công sức, vì không nhận vui giải thoát, pháp tịch tĩnh như lý”. Nghĩ thế xong, Đức Thế Tôn yên lặng trụ trong định. Bấy giờ, chủ cõi Sa-bà, vua Đại Phạm Thiên, biết Thế Tôn nghĩ như thế, bèn tư duy: “Đúng là chúng sinh nơi cõi này phần nhiều lầm lỗi, hủy hoại, nay Phật chứng pháp vô thượng sâu rộng vi diệu, lo lắng chúng sinh không thể tin nhận, nên ở chốn nhàn tịch thọ vui hiện pháp. Ta nên đến cầu thỉnh Phật chuyển diệu pháp luân”. Vừa suy nghĩ xong, chớp mắt từ Phạm cung hiện đến bên Phật, nhanh như cánh tay co duỗi của đại lực sĩ. Đến Phật đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi quỳ một bên chấp tay cung kính bạch Phật: “Thưa Đức Thế Tôn! Các chúng sinh ở cõi này từ lâu huân tập giáo lý tà, dị, kiến hoặc trói buộc lưu chuyển sinh tử, không chỗ quay về nương tựa, không nơi cứu giúp. Đức Thế Tôn đã bao kiếp vì chúng tu hành hóa độ, nay đã thành tựu Chánh giác Vô thượng, chứng pháp vô thượng, xuất hiện ở đời, như hoa Ưu-đàm hiếm có mà không vì chúng hữu tình tùy cơ diễn thuyết, lại ở nơi nhàn tịch, im lặng nhập định! Cúi mong Phật rủ lòng đại bi, thương xót thế gian vì các hữu tình, nói căn bản chánh pháp. Như có chúng sinh nào kết sử mỏng yếu, căn cơ thích nghi, thuần thực, thông minh dễ dạy vì không nghe pháp tất có lỗi lầm tự nhiên thiếu sót mất lợi nghe pháp. Cúi mong Đức Thế Tôn vì thương chúng sinh, mở cửa cam lộ, nói pháp vi diệu, khiến các hữu tình được an vui lợi ích”.

Thưa xong, vua Đại Phạm Thiên nói kệ như sau:

*Phật ra đời như hoa Ưu-đàm  
Bao kiếp khó gặp, nay được gặp  
Cúi xin mở ra cửa cam lộ  
Khấp được nghe pháp lợi chúng sinh.*

Phật nghe thỉnh kệ xong, khởi tâm đại bi, dùng đạo nhãn quán các hữu tình có đủ loại căn cơ: Hoặc có căn ngu độn cố chấp các hữu, có căn trung bình mà ít chán sinh tử; có căn linh lợi mà không buông lung... Như thế, tất cả ở tại thế gian hoặc căn mới sinh, hoặc đang lớn mạnh có ngu độn, có thông minh và có dễ hóa độ đặc đạo... Quán biết như thật rồi Phật bèn nhận lời thỉnh của Đại Phạm Thiên mà chuyển pháp luân. Kệ nêu:

*Đại phạm khéo thỉnh, ta khéo nghe!  
Pháp ta vi diệu lại sâu xa  
Nay vì các người ta diễn nói  
Khiến nơi đê mê dài được yên vui.*

Tụng nói:

*Mạng chỉ là Dị thực  
Ưu và tám sau phi  
Sắc ý, còn bốn thọ  
Mỗi một đều thông hai.*

**Luận nói:** “Duy nhất mạng căn nhất định là dị thực”. **Giải thích:** Không một mạng căn nào không phải dị thực. Tụng nói:

*Châu Bắc định ngàn năm Tây, Đông nửa  
ngày giảm Châu này thọ bát định Mười sau,  
đầu chẳng lường.*

Thế gian hữu tình do các phước nghiệp còn lại đều mong muốn: “Xin cho con trường thọ”, cũng không muốn chín xác ở độ tuổi chín mươi hoặc tám mươi v.v... Hoặc có bè bạn, Người cao tuổi thường chúc nhau: “Mong cho ông trường thọ” Cũng không nhất định nói mong sống lâu chừng ấy thôi. Vì người châu này làm việc gì, mong ước điều gì đều có với tâm tham đi kèm.

Trong Kinh nói: “Bí sô nên biết! Người sống ở thời Phật Tỳ-bà- thi thọ tám vạn tuổi... đến thời Phật Ca-diếp-ba thọ hai vạn tuổi. Khi ta ra đời con người thọ một trăm tuổi, ít người vượt qua, phần đông giảm đi”. Tuổi thọ nếu không hạn định, vì sao Đức Thế Tôn lại nói như thế? Trong kiếp đầu các căn đại chủng của hữu tình rất thù thắng nên tuổi thọ lâu dài. Thời nay, dần dần yếu đi nên tuổi thọ khó ai kéo dài đến mười năm. Phước hết bèn chết, không nhân ở mạng sống. Vì tu sửa chùa, tháp cũ mà có thể kéo dài thêm tuổi thọ.

Tụng nói:

*Phạm hạnh khéo thành lập Thánh đạo đã  
khéo tu  
Khi thọ tận, hoan hỷ Giống như khỏi các  
bệnh.*

